

BỘ TÀI CHÍNH-BỘ
THƯƠNG MẠI
Số: 72/TT-LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 11 năm 1996

THÔNG TƯ LIÊN BỘ

Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định và lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại quy định tại Nghị định số 2/CP ngày 05/01/1995 của Chính phủ

Căn cứ Quyết định số 276/CT ngày 28 tháng 7 năm 1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc thống nhất quản lý phí và lệ phí;

Căn cứ khoản C, Điều 11, Nghị định số 2/CP ngày 5/1/1995 của Chính phủ quy định về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh thương mại và hàng hoá, dịch vụ kinh doanh thương mại có điều kiện ở thị trường trong nước;

Liên bộ Tài chính - Thương mại hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí thẩm định điều kiện kinh doanh và lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thương mại, dịch vụ như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG NỘP:

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại các hàng hoá, dịch vụ (đối với hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện quy định tại Nghị định số 2/CP ngày 5/1/1995 của Chính phủ) khi được cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Thương mại hoặc Sở Thương mại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp đến cơ sở kinh doanh để thẩm định các điều kiện kinh doanh quy định tại khoản 9.2, Điều 9, Nghị định số 2/CP và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Điều này của các Bộ có liên quan thì phải nộp phí thẩm định theo quy định tại Thông tư này.

Trường hợp không phải thẩm định điều kiện kinh doanh tại cơ sở thì không phải nộp phí thẩm định (trừ trường hợp phải tổ chức kiểm tra tay nghề của người kinh doanh).

2. Tổ chức, cá nhân, kể cả tổ chức, cá nhân nêu tại điểm 1, mục này khi được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng hoá, dịch vụ (đối với hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện quy định tại Nghị định số 02/CP) thì phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

II. MỨC THU

1. Mức thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh thương mại tại các thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố trực thuộc tỉnh và thị xã: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng/điểm kinh doanh.

Riêng cá nhân và nhóm kinh doanh thương mại quy định tại Nghị định số 66/HĐBT ngày 2/3/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ở các thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố trực thuộc tỉnh và thị xã: 100.000 (một trăm ngàn) đồng/điểm kinh doanh;

2. Mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh tại thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố trực thuộc tỉnh và thị xã (cấp mới, cấp lại hoặc đổi giấy phép): 50.000 (năm mươi ngàn) đồng/giấy.

3. Mức thu đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh thương mại tại các khu vực khác (ngoài các thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố trực thuộc tỉnh và thị xã) bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tương ứng quy định tại điểm 1,2 mục này.

III. QUẢN LÝ PHÍ VÀ LỆ PHÍ:

1. Cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động kinh doanh thương mại quy định tại Nghị định số 2/CP ngày 5/1/1995 của Chính phủ, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm:

- Tổ chức thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh và lệ phí cấp giấy phép chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo đúng quy định tại Thông tư này;

- Khi thu tiền phải cấp cho người nộp tiền chứng từ cho thu phí, lệ phí (biên lai thu tiền) do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) phát hành;

- Thực hiện mở sổ sách, chứng từ kế toán thu, nộp và sử dụng tiền phí, lệ phí theo đúng chế độ kế toán, thống kê của Nhà nước theo quy định hiện hành. Định kỳ và hàng năm quyết toán số thu, số nộp và sử dụng tiền thu phí, lệ phí; quyết toán việc nhận và sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí đồng thời với quyết toán tài chính gửi đến cơ quan thuế trực tiếp và cơ quan tài